Missions of the
Federal Republic of Germany
in Vietnam

Checklist for visa applications ***Danh sách giấy tờ cần cho hồ sơ xin cấp thị thực***

Sports and culture ***Đi công tác/hội chợ/hội nghị***

Name and Surname of applicant: _____ *(Họ và tên)*
Nationality: _____ *(Quốc tịch)*

The following documents are required and should be submitted to the VFS Global Visa Application Centre on the day of application in person. Please sort the documents in order of this checklist.
Các giấy tờ sau đây là bắt buộc và phải được nộp tại Trung tâm nhận hồ sơ thị thực VFS Global vào ngày nộp hồ sơ. Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.
For every document, you must provide the original + 1 simple copy. Documents in Vietnamese or any other foreign language need to be accompanied by a translation into English or German.
Đối với mỗi giấy tờ, quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc bất kỳ ngoại ngữ nào khác cần phải kèm theo bản dịch sang tiếng Đức.

Please check the boxes below and sign to confirm which documents you have submitted.
Xin vui lòng đánh dấu vào các ô và kí tên để xác nhận các giấy tờ đã nộp.

All applications for Schengen visa must contain *Tất cả các bộ hồ sơ xin thị thực Schengen cần phải có*	Submitted by applicant *Có nộp*	Only to be filled out by VFS	Remarks *Ghi chú*
1. Schengen Visa application form completely filled out and signed by the applicant ***Đơn xin cấp thị thực*** *được điền đầy đủ và được ký tên bởi người nộp đơn*			
2. Two recent, identical, biometric passport photos (45mm x 35mm) ***Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học chụp gần đây, ảnh phải giống nhau (cỡ 45mm x 35mm)*** (Click here for more information on photo regulations) Please only glue one photo to the application form. *Đề nghị chỉ dán một ảnh vào đơn xin cấp thị thực (một ảnh còn lại không được dán, vì cần dùng để scan)*			
3. Original passport or official travel document (No plastic covers/envelopes!) ***Hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại chính thức*** *(Đề nghị không dùng bao bọc/vỏ bao hộ chiếu!)* Please note: Your passport or travel document must be valid for at least 3 months from the date on which you leave the Schengen area. The document must contain at least 2 empty visa pages and it cannot have been issued more than 10 years ago. *Xin lưu ý: Hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại của quý vị phải còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày quý vị rời khỏi khu vực Schengen. Hộ chiếu hay giấy tờ đi lại phải còn ít nhất 2 trang trống dành cho thị thực và không được cấp trước đó quá 10 năm.*			
4. If the applicant is not a Vietnamese citizen: Vietnamese residence permit for foreigners ***Trường hợp người nộp đơn không phải là công dân Việt Nam: Giấy phép cư trú Việt Nam cho người nước ngoài***			
5. Additional information sheet pursuant Section 54 (2) 8 in conjunction with Section 53 of the Residence Act (signed by the applicant) (= "Belehrung") *Phổ biến quy định theo Điều 54, Khoản 2, Mục 8 và Điều 53 Luật Cư trú (được ký tên bởi người nộp đơn)*			
6. Documents reflecting the nature of the trip and relations between the host in Germany and the applicant in Vietnam (if applicable, including information who covers the trip, accommodation and all occurring costs in Germany) ***Giấy tờ thể hiện tính chất chuyến công tác và quan hệ kinh doanh giữa các công ty có liên quan ở Đức và Việt Nam (nếu có, bao gồm thông***			

Missions of the
Federal Republic of Germany
in Vietnam

tin về việc ai sẽ chi trả cho chuyến công tác, chỗ ở và tất cả các chi phí khác tại Đức) a) Invitation letter from host in Germany with full address, stating the purpose and duration (precise itinerary!) of the trip **and/or** *Thư mời của công ty / cơ quan chức năng tại Đức với địa chỉ đầy đủ, nêu rõ mục đích và thời gian (lịch trình chính xác!) của chuyến công tác **và / hoặc*** b) Information on the sports or cultural event to be participated in in Germany with details of organizer/ host, with full address in Germany, duration (precise itinerary!) of event and reason to take part in *Thông tin về sự kiện / hội nghị / hội chợ thương mại sẽ tham dự tại Đức với nội dung chi tiết về nhà tổ chức / đơn vị mời, với địa chỉ đầy đủ tại Đức, thời gian (lịch trình chính xác!) của sự kiện và lý do tham dự (ví dụ như xác nhận tham dự hội nghị, vé tham quan hội chợ thương mại, đàm phán hợp đồng, v.v.).*	☐ ☐	☐ ☐	
7. Proof of employment (if applicable) ***Bằng chứng về việc làm (nếu có):*** a) Labor contract stating position, length of employment *Hợp đồng lao động nêu rõ vị trí/chức vụ, thời gian làm việc* b) Bank statements (no savings accounts) *Sao kê tài khoản ngân hàng (không phải sổ tiết kiệm)* c) Statement from the employer that the applicant is granted (paid or unpaid) leave *Xác nhận của bên sử dụng lao động về việc cho nghỉ phép (nghỉ có lương hay không lương)* d) Social security booklet *Sổ bảo hiểm xã hội*	☐ ☐ ☐ ☐	☐ ☐ ☐ ☐	
8. Only if the applicant is retired ***Nếu người nộp đơn đã nghỉ hưu:*** Pension statements from the last three months *Xác nhận lương hưu ba tháng gần nhất, thẻ hưu trí*			
9. Only if the applicant is a student ***Nếu người nộp đơn là học sinh/ sinh viên*:** Confirmation of school/university enrolment for the current year and the student card *Xác nhận của nhà trường về việc người nộp đơn đang theo học tại đó và thẻ học sinh, sinh viên*			
10. Proof of sufficient funds for the entire visit ***Chứng minh tài chính cho toàn bộ chuyến đi:*** a) Bank statements (no savings accounts) *Sao kê tài khoản ngân hàng (không phải sổ tiết kiệm)* b) OR formal obligation letter (= Verpflichtungserklärung) This obligation letter can be obtained at the local town office/authority in Germany (Ausländerbehörde) and must be presented in original for the visa application process. *HOẶC giấy cam kết bảo lãnh (= Verpflichtungserklärung). Giấy cam kết bảo lãnh này do Sở Ngoại kiều tại Đức (Ausländerbehörde) cấp và phải trình bản chính khi nộp hồ sơ xin cấp thị thực.*	☐ ☐	☐ ☐	
11. Proof of family status of the applicant ***Giấy tờ về gia đình của người nộp đơn:*** a) Marriage certificate (if applicable) + ID card of the spouse + residence permit of the spouse, if they currently stay in the EU/Schengen area. *Giấy chứng nhận kết hôn (nếu có) + Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước của vợ/chồng + Giấy phép cư trú của vợ/chồng, nếu họ hiện đang cư trú tại khu vực EU / Schengen* b) Birth certificate of all children of the applicant (if applicable) + ID cards of all the children + residence permits of the children, if they stay currently in the EU/Schengen area. *Giấy khai sinh của tất cả các con của người nộp đơn (nếu có) + Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước của tất cả các con + Giấy phép cư trú của các con, nếu các con hiện đang cư trú tại khu vực EU / Schengen* c) Vietnamese family book *Sổ hộ khẩu gia đình*	☐ ☐ ☐	☐ ☐ ☐	

Missions of the
Federal Republic of Germany
in Vietnam

12. Travel itinerary and hotel reservation/private accommodation ***Lịch trình đi và đặt phòng khách sạn / chỗ ở riêng*** a) Valid (existing) hotel bookings/reservations or private accommodation with full address (name, street, city, zip code, contact information, booking reference…) or proof of private accommodation *Xác nhận đặt phòng/đăng ký giữ chỗ khách sạn hợp lệ (hiện có) hoặc bằng chứng về chổ ở riêng với địa chỉ đầy đủ (tên khách sạn, đường, thành phố, mã bưu điện, thông tin liên hệ, mã số đặt phòng…)* b) Travel itinerary *Lịch trình đi*	☐ ☐	☐ ☐	
13. Proof of previous Schengen visas (if applicable) ***Bằng chứng về những thị thực Schengen trước đây (nếu có):*** Original of expired/old passports or travel documents in addition to No. 3 *Bản gốc hộ chiếu hay giấy tờ đi lại đã hết hạn/cũ ngoài giấy tờ nêu ở mục số 3*			
14. Compulsory paid travel medical insurance (specifications: valid for all Schengen states, covers entire period of intended stay, covers the cost of emergency treatment and transport to home country for medical reasons, minimum coverage shall be EUR 30,000). ***Bảo hiểm y tế du lịch bắt buộc*** *(Bảo hiểm phải có giá trị cho tất cả các nước Schengen và cho toàn bộ thời gian lưu trú dự kiến, bao gồm cả chi phí điều trị khẩn cấp và vận chuyển về nước vì lý do y tế, mức bảo hiểm tối thiểu là 30.000 EUR).*			

By signing this checklist, I confirm that I understand the following information:

I will not have my passport in my possession during the process of my visa application.
The processing time of my visa application may take up to 15 days.
An application without the complete set of documents according to the above mentioned checklist may lead to an extended processing time of the application and/or a refusal.
Providing incorrect information or falsified documents deliberately are punishable acts by German law and regulations.
The German diplomatic missions in Vietnam reserve the right to request additional supporting documents and/or information if necessary.

Với việc ký tên vào danh sách giấy tờ này, tôi xác nhận rằng tôi đã hiểu rõ các thông tin sau:

Tôi sẽ không giữ hộ chiếu của mình trong quá trình xin thị thực.
Thời gian xử lý hồ sơ xin thị thực của tôi có thể kéo dài tới 15 ngày.
Việc nộp hồ sơ không có đủ các giấy tờ nêu trong danh sách trên có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.
Việc cung cấp thông tin không chính xác hoặc nộp giấy tờ giả là những hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật Đức.
Cơ quan đại diện ngoại giao của Đức tại Việt Nam có quyền yêu cầu thêm các giấy tờ và / hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Place and date/ ***Địa điểm và ngày*** **Applicant's signature /** ***Chữ ký người nộp đơn***

_____ _____

REMARKS FROM VFS STAFF/ GHI CHÚ TỪ NHÂN VIÊN VFS: